

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/HS-ST

Ngày:13/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Nam

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- *Thư ký phiên toà:* Bà Mạc Thị Hà – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn - Tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông Trần Đức Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/HSST - QĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nông Thị H; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1979.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T và bà Hứa Thị V; Chồng: Hứa Văn N; con: Có 02 con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không ; Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

1. Người bị hại: Bà Ngọc Thị N – sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Nà L, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.có mặt

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Bắc Kạn.có mặt

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Hứa Văn N - sinh năm 1978 , có mặt

3.2 Bà Ma Thị H – sinh năm 1999, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19 tháng 9 năm 2018, bà Ngọc Thị N, sinh năm 1969, trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến nhà ông Hứa Văn N, sinh năm 1978, trú tại thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để đòi tiền (do trước đó ông N có nợ tiền của bà N). Khi đến nhà ông N, bà N gặp vợ ông N là Nông Thị H, sinh năm 1979 đang ngồi chẻ lạt tại hiên nhà, bà N có hỏi H là có ông N ở nhà không? nhưng Nông Thị H không trả lời nên bà N đã hỏi Hứa Văn Á (con của ông N và bà H) đang ngồi chơi trước cửa nhà thì Á nói là ông N đang ngủ trong nhà. Thấy vậy, bà N đi vào trong nhà thì thấy ông N đang ngủ tại chiếc giường trong buồng phía bên trái từ cửa đi vào trong nhà. Bà N đi đến buồng ngủ gần giường ông N ngủ gọi ông N dậy nói chuyện nhưng ông N không dậy nên bà N quay ra bàn uống nước ở phòng khách ngồi rồi bảo Nông Thị H vào gọi ông N dậy để nói chuyện nhưng H trả lời là “không có gì để nói, muốn nói gì thì lên chợ tìm người lập biên bản mới nói”. Sau đó, bà N nói với H là “không phải làm quá lên như thế”. Do nghi ngờ bà N và ông N có mối quan hệ nam nữ bất chính nên khi nghe bà N nói vậy H đứng dậy và cầm theo con dao (loại dao quắm, bằng kim loại, có chiều dài 39cm, rộng 3,7cm) đang dùng để chẻ lạt đi vào trong nhà, đóng cửa lại rồi đi về phía bà N, tay phải cầm dao vung phần sống dao (phần không có lưỡi sắc) chém về phía vai trái bà N, bà N vùng dậy ôm lấy người H định đẩy H ra phía sau thì H dùng tay trái túm giữ tay trái bà N, còn tay phải cầm dao chém về phía bà N và trúng vào vùng trán bên phải bà N. Lúc này, có Hoàng Trung H, sinh năm 1982, trú tại thôn Bản C, xã R, huyện C (đang ngủ trên giường ở phòng khách) chạy đến giữ tay cầm dao của H lại và gọi ông N ra hộ can ngăn, khi bị ông H giữ tay cầm dao, H lao vào bà N dùng miệng cắn vào vùng ngực bên trái bà N. Thì lúc đó ông N cũng chạy đến kéo bà H ra và bảo bà N mở cửa ra ngoài. Sau đó bà N được con dâu ông N là Ma Thị H đưa đến trạm y tế xã P băng bó vết thương.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể đối với Ngọc Thị N lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 19/9/2018 tại Trung tâm y tế huyện C xác định có các vết thương: Vùng trán phải có một vết thương (bờ mép sắc gọn) dài 04cm (bốn centimet) được khâu bằng ba mũi chỉ, không chảy máu; vùng ngực trái có vết bầm tím kích thước 2cm x 2cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 110/TgT ngày 16/10/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế B kết luận “Tỷ lệ thương tật của Ngọc Thị N là 06% (sáu phần trăm)”.

Về dân sự: Tại phiên tòa bà Ngọc Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền là 13.240.000,đ (mười ba triệu hai trăm bốn mươi đồng) bao gồm các khoản: Tiền ăn, Tiền thu nhập của người chăm sóc, Tiền mất thu nhập của người bị hại, Tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn có thu giữ 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen xám có chiều dài 39cm, rộng 3,7cm, dao có một lưỡi sắc; dao đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo H thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo cho rằng nguyên nhân bị cáo có hành vi phạm tội là do vì trong thời gian về đây bà N và chồng của bị cáo là ông N có quan hệ tình cảm với nhau, bà N thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho ông N và có lúc đến tận nhà gọi rồi cùng nhau đi ra ngoài, đi đâu, làm gì bị cáo không biết. Vì vậy, hôm xảy ra sự việc khi thấy bà N đến nhà và vào tận giường ngủ của gia đình bị cáo, gọi chồng bị cáo nên bị cáo bức tức mới cầm dao chém bà N với mục đích dọa bà N không cho bà N đến nhà tìm chồng của bị cáo nữa.

Lời khai của bị hại tại phiên tòa: Bà với ông N là quan hệ bạn bè vì có lúc cùng đi làm thuê với nhau, thỉnh thoảng bà có gọi điện nhắn tin cho ông N nhưng chỉ là đòi nợ, còn việc bà với ông N đi chơi với nhau chỉ là quan hệ bạn bè không có quan hệ tình cảm.

Lời khai của ông N tại phiên tòa: Thừa nhận giữa ông và bà N có quan hệ tình cảm với nhau thỉnh thoảng có cùng nhau đi chơi lên Thị trấn B, có lần ra Bắc Kạn.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSCĐ ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Thị H về tội “ Cố ý gây thương tích ” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Tuyên bố bị cáo Nông Thị H phạm tội: Cố ý gây thương tích. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i,s khoản 1 Điều 51, 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Huê từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Giao cho UBND xã P giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen xám có chiều dài 39cm, rộng 3,7cm, dao có một lưỡi sắc, dao đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự. Chấp nhận các khoản bồi thường sau: Tiền mất thu nhập của người bị hại là 3.200.000,đ tiền công thuê người chăm sóc là 1.200.000,đ tiền tổn thất về tinh thần từ 03 đến 04 tháng lương tối thiểu là từ 4.170.000,đ đến

5.560.000,đ. Tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền từ 8.570.000,đ đến 9.960.000,đ

Về án phí: Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên ông Hà Văn T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ngọc Thị N phát biểu ý kiến: Về phần bồi thường yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 13.240.000,đ bao gồm các khoản: Tiền ăn của 06 ngày trong viện là 840.000,đ; Tiền công thuê người chăm sóc 06 ngày là 1.200.000,đ; Tiền mất thu nhập của người bị hại 16 ngày (6 ngày điều trị + 10 ngày sau điều trị) là: 3.200.000,đ; Tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần là: 8.000.000,đ

Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, coi thường pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Trợ giúp viên, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/9/2018, trong lúc bị cáo đang ngồi chẻ lạt trước cửa nhà tại thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì thấy bà Ngọc Thị N đến tìm chồng của bị cáo là ông Hứa Văn N. Do nghi ngờ giữa ông N và bà N có quan hệ nam nữ bất chính nên bị cáo đã có hành vi dùng dao đang chẻ lạt trên tay (là loại dao quắm bằng kim loại) dài 39cm, rộng 3,7cm, có một lưỡi sắc chém vào vùng chán bên phải của bà Ngọc Thị N, gây thương tích cho bà N với tỷ lệ thương tật là 06%

(Sáu phần trăm). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự có như vậy mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, và không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Ngọc Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền là 13.240.000,đ bao gồm các khoản:

- Tiền ăn của 06 ngày trong viện x 2 người x 200.000,đ = 840.000,đ
- Tiền công thuê người chăm sóc 06 ngày x 200.000đ = 1.200.000,đ
- Tiền mất thu nhập của người bị hại 16 ngày (6 ngày điều trị + 10 ngày sau điều trị) là: 16 ngày x 200.000,đ/ngày = 3.200.000,đ
- Tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần là: 8.000.000,đ

Tại phiên tòa bị cáo không nhất trí với mức bồi thường mà bị hại yêu cầu, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại với mức là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay bị cáo chưa bồi thường được đồng nào. Do các bên không thỏa thuận được về phần dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, trong các khoản yêu cầu của bị hại đưa ra thì có một số khoản chi là chưa hợp lý cụ thể: Đối với khoản tiền ăn đã bao gồm trong khoản tiền mất thu nhập và tiền công thuê do đó khoản tiền này không được chấp nhận, đối với mức yêu cầu tổn thất về tinh thần là cao. Theo kết luận pháp y về thương tích số: 110/TgT ngày 16/10/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Bắc Kạn: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 06% (sáu phần trăm), bệnh án tổng số ngày điều trị là 06 ngày, tình trạng ra viện: Khỏi. Do vậy, chỉ chấp nhận một phần cụ thể các khoản chi:

- Tiền mất thu nhập của người bị hại: 16 ngày x 200.000,đ/ngày = 3.200.000,đ
- Tiền công thuê người chăm sóc 06 ngày x 200.000đ = 1.200.000,đ

-Tiền tổn thất về tinh thần bằng 03 tháng lương tối thiểu cụ thể:
 $1.390.000\text{đ}/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 4.170.000\text{đ}$

Tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền là 8.570.000,đ (*Tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra trong vụ án có anh Hoàng Trung H, là người trong lúc cản ngăn không cho Nông Thị H đánh Ngọc Thị N đã bị thương tích tại ngón giữa và ngón áp út bàn tay phải. Do thương tích nhẹ nên anh H đã tự xử lý và không có yêu cầu đề nghị gì đến cơ quan chức năng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[6]. Vật chứng vụ án: 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen xám có chiều dài 39cm, rộng 3,7cm, dao có một lưỡi sắc; dao đã qua sử dụng. Đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị H phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Thị H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Thị H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Thị H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Ngọc Thị N số tiền là: 8.570.000,đ (*Tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó: Tiền mất thu nhập là 3.200.000,đ; Tiền công thuê người chăm sóc là

1.200.000,đ; Tiền tổn thất về tinh thần bằng 03 tháng lương tối thiểu là 4.170.000,đ

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen xám có chiều dài 39cm, rộng 3,7cm, dao có một lưỡi sắc; dao đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2019 giữa Công an huyện Chợ Đồn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Thị H phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là: 428.500,đ (Bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- CCTHADS huyện Chợ Đồn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của bị hại;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Hường

